

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 403A /QĐ-CDYD ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ)

Tên ngành: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

Mã ngành: 6720602

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/phương thức tích lũy tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trình độ trung cấp ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học

Thời gian đào tạo: 1,5 năm

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Kỹ thuật xét nghiệm y học trình độ cao đẳng là ngành, nghề sử dụng những phương pháp, máy móc, trang thiết bị công nghệ hiện đại để nhận định các mẫu bệnh phẩm như máu, nước tiểu, dịch,... nhằm phát hiện và cung cấp những bằng chứng giúp bác sĩ có khả năng chẩn đoán chính xác tình trạng sức khỏe của người sử dụng dịch vụ xét nghiệm, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc xét nghiệm gồm: tiếp đón, lấy hoặc nhận bệnh phẩm, pha hóa chất, thuốc thử, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc, thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm, kiểm duyệt, nhận định, bảo quản và trả kết quả. Công việc của nghề chủ yếu được thực hiện ở phòng xét nghiệm của các cơ sở y tế, trung tâm xét nghiệm, từ trung ương đến địa phương, các trường đào tạo chuyên ngành về sức khỏe, các cơ quan/tổ chức có hoạt động về xét nghiệm, các trung tâm CDC,...

Điều kiện làm việc thường xuyên tiếp xúc với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm là người bệnh, người nhà người bệnh, cán bộ, nhân viên y tế; hóa chất,

sinh phẩm y tế, mẫu bệnh phẩm, thiết bị máy móc có độ chính xác cao nên đòi hỏi người kỹ thuật viên xét nghiệm luôn phải nắm chắc kiến thức nghề, có khả năng giao tiếp tốt, chịu đựng với áp lực công việc, tỷ mỉ, thận trọng, trung thực, chính xác và có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật. Sản phẩm là kết quả các xét nghiệm yêu cầu nhanh chóng, đảm bảo chính xác và an toàn.

Người kỹ thuật viên xét nghiệm y học trình độ cao đẳng có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm và nhận định, phân tích kết quả các xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực: Vi sinh ký sinh trùng; hóa sinh, miễn dịch; huyết học truyền máu; giải phẫu bệnh và tế bào. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, khả năng giao tiếp hiệu quả, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; khả năng tự học tập, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ thuật viên trình độ cao đẳng Xét nghiệm Y học có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: vi sinh; ký sinh trùng; hóa sinh; huyết học; truyền máu, giải phẫu bệnh; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học vươn lên và tham gia nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.2. Kiến thức

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho công việc kỹ thuật xét nghiệm y học;

- Giải thích được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý; kiến thức y học chuyên ngành phục vụ cho công việc;

- Trình bày được sự tác động của môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe;
- Giải thích được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Phân tích được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường;
- Giải thích được các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học và quản lý chất lượng xét nghiệm;
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học;
- Vận dụng các kiến thức về chính sách, pháp luật và quy định về chuyên môn nghiệp vụ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân, đồng nghiệp, người bệnh và nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Pha chế thành thạo một số dung dịch đệm, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm;
- Làm thành thạo các xét nghiệm cơ bản về huyết học truyền máu, hóa sinh miễn dịch, vi sinh ký sinh trùng, xét nghiệm tế bào phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Định danh được các vi sinh vật gây bệnh thường gặp; nhận định và phân tích được kết quả xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, huyết học truyền máu cơ bản; xác định được tế bào mô bệnh học trong tổn thương dạng viêm và u một số mô của cơ thể;
- Tổ chức được xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp;

- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm;

- Kiểm soát được lây nhiễm, xử lý rác thải theo đúng quy định về an toàn sinh học phòng xét nghiệm;

- Ghi chép, vào sổ, thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định. Lưu trữ, bảo quản các tài liệu trong lĩnh vực được giao;

- Tham gia công tác quản lý phòng xét nghiệm, chất lượng phòng xét nghiệm;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát các nhân viên trong nhóm, trong tổ hoặc các sinh viên thực tập thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn xác định;

- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;

- Đánh giá đúng chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật xét nghiệm, quy trình bảo đảm chất lượng xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng môi trường làm việc an toàn hiệu quả;

- Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón và trả kết quả;
- Tiếp nhận, lấy mẫu và xử lý mẫu;
- Xét nghiệm huyết học truyền máu;
- Xét nghiệm hóa sinh, miễn dịch;
- Xét nghiệm vi sinh ký sinh trùng;
- Xét nghiệm giải phẫu bệnh và tế bào.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Số lượng môn học: 25 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 51 tín chỉ (1335 giờ)
- Khối lượng các môn học chung: 2 tín chỉ (30 giờ)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 49 tín chỉ (1305 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 364 giờ; Thực hành thí nghiệm: 934 giờ; Kiểm tra:

37 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giao tiếp được bằng tiếng Anh ở cấp độ cơ bản
2	NLCB-02	Đọc, hiểu từ tiếng Anh cơ bản thuộc chuyên ngành xét nghiệm
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc
4	NLCB-04	Giao tiếp hiệu quả với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm, đồng nghiệp, cấp trên
5	NLCB-05	Làm việc hiệu quả trong nhóm
6	NLCB-06	Học tập nâng cao trình độ
7	NLCB-07	Chịu áp lực trong công việc và môi trường làm việc
8	NLCB-08	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày

9	NLCB-09	Rèn luyện thể chất
10	NLCB-10	Tư duy logic, phân tích, tổng hợp, thống kê
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Vận dụng kiến thức hóa học, sinh học
2	NLCL-02	Nhận biết được giải phẫu, sinh lý bình thường và bất thường của cơ thể người
3	NLCL-03	Ghi chép, quản lý tài liệu, hồ sơ sổ sách
4	NLCL-04	Nhập dữ liệu, thống kê, báo cáo, quản lý thông tin
5	NLCL-05	Nhận biết cơ bản về hệ thống y tế và chương trình y tế quốc gia
6	NLCL-06	Nhận biết cơ bản về sức khỏe, nâng cao sức khỏe và dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm
7	NLCL-07	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
8	NLCL-08	Nhận biết được về dịch tễ, các bệnh truyền nhiễm và mô hình bệnh tật cơ bản
9	NLCL-09	Quản lý, sử dụng các thiết bị văn phòng
10	NLCL-10	Quản lý, bảo quản, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ cơ bản trong phòng xét nghiệm
11	NLCL-11	Quản lý, bảo quản vật tư, hóa chất, sinh phẩm cơ bản trong phòng xét nghiệm: pipet, dụng cụ thủy tinh,...
12	NLCL-12	Pha chế các hóa chất chung và sử dụng các trang thiết, dụng cụ cơ bản của phòng xét nghiệm
13	NLCL-13	Đảm bảo cơ sở vật chất và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm
14	NLCL-14	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm và quản lý chất lượng xét nghiệm
15		TIẾP ĐÓN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
16	NLCL-15	Tiếp đón, nhận phiếu, lấy thông tin người sử dụng dịch vụ xét nghiệm
17	NLCL-16	Hướng dẫn người sử dụng dịch vụ xét nghiệm về các thủ tục hành chính và chuẩn bị lấy mẫu
18	NLCL-17	Nhận kết quả từ bộ phận xét nghiệm
19	NLCL-18	Trả kết quả cho người sử dụng dịch vụ xét nghiệm
20	NLCL-19	Tư vấn, giải đáp thắc mắc
21	NLCL-20	Lưu trữ, quản lý kết quả

22	NLCL-21	Ghi chép sổ thống kê, tổng hợp và báo cáo
23	NLCL-22	Điều tra sự hài lòng của khách
24	NLCL-23	Duy trì, phát triển mối quan hệ với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm
25		TIẾP NHẬN, LẤY MẪU VÀ XỬ LÝ MẪU
26	NLCL-24	Nhận mẫu và phiếu yêu cầu xét nghiệm
27	NLCL-25	Xác định loại xét nghiệm và lấy mẫu
28	NLCL-26	Ghi chép sổ ghi mẫu, sổ từ chối mẫu
29	NLCL-27	Phân loại và dán mã barcode
30	NLCL-28	Gửi mẫu và phiếu đến từng bộ phận xét nghiệm
31	NLCL-29	Đóng gói mẫu bệnh phẩm
32	NLCL-30	Chuyển gửi mẫu
33	NLCL-31	Xử lý mẫu
34	NLCL-32	Thực hiện các biện pháp chống nhiễm khuẩn bệnh viện
35	NLCL-33	Ghi chép sổ thống kê, quản lý, báo cáo dữ liệu
36		XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU
37	NLCL-34	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
38	NLCL-35	Quản lý mẫu bệnh phẩm
39	NLCL-36	Pha, hóa chất, thuốc thử, sinh phẩm tế bào, đông máu, miễn dịch truyền máu
40	NLCL-37	Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, hóa chất, sinh phẩm, thuốc nhuộm
41	NLCL-38	Làm tiêu bản máu dàn
42	NLCL-39	Xét nghiệm huyết học tế bào
43	NLCL-40	Xét nghiệm tế bào các dịch cơ thể
44	NLCL-41	Xét nghiệm về tinh dịch đồ
45	NLCL-42	Xét nghiệm huyết học đông máu
46	NLCL-43	Vận động, tư vấn người cho máu

47	NLCL-44	Xét nghiệm sàng lọc trước khi lấy máu từ các đối tượng người cho máu
48	NLCL-45	Lấy máu từ người hiến máu
49	NLCL-46	Sàng lọc, điều chế, bảo quản các đơn vị máu
50	NLCL-47	Thực hiện phát máu
51	NLCL-48	Quản lý thuốc thử, hóa chất, sinh phẩm, dụng cụ
52	NLCL-49	Quản lý thiết bị phòng huyết học truyền máu
53	NLCL-50	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm phòng xét nghiệm huyết học truyền máu
54		XÉT NGHIỆM HÓA SINH, MIỄN DỊCH
55	NLCL-51	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
56	NLCL-52	Quản lý mẫu bệnh phẩm
57	NLCL-53	Pha hóa chất, thuốc thử sinh phẩm cho xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
58	NLCL-54	Chuẩn bị các phương tiện, thiết bị dụng cụ, hóa chất, sinh phẩm
59	NLCL-55	Xét nghiệm Hóa sinh thăm dò chuyển hóa các chất, chức năng các cơ quan
60	NLCL-56	Xét nghiệm hóa sinh nước tiểu và các dịch sinh vật
61	NLCL-57	Xét nghiệm hóa sinh miễn dịch: các chỉ điểm ung thư, các hormon
62	NLCL-58	Quản lý hóa chất, thuốc thử sinh phẩm cho xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
63	NLCL-59	Quản lý thiết bị phòng xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
64	NLCL-60	Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
65		XÉT NGHIỆM VI SINH KÝ SINH TRÙNG
66	NLCL-61	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
67	NLCL-62	Quản lý mẫu bệnh phẩm
68	NLCL-63	Pha hóa chất, thuốc nhuộm, môi trường
69	NLCL-64	Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, thuốc nhuộm, môi trường
70	NLCL-65	Làm tiêu bản vi sinh ký sinh trùng
71	NLCL-66	Nhuộm, nuôi cấy, phân lập và định danh vi sinh vật gây bệnh

72	NLCL-67	Thực hiện kỹ thuật kháng sinh đồ
73	NLCL-68	Thực hiện kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh
74	NLCL-69	Nhuộm soi trực tiếp ký sinh trùng
75	NLCL-70	Xác định vi sinh vật gây bệnh từ các bệnh phẩm
76	NLCL-71	Xác định nấm, đơn bào
77	NLCL-72	Quản lý thuốc nhuộm, môi trường, sinh phẩm dụng cụ
78	NLCL-73	Quản lý, sử dụng thiết bị phòng xét nghiệm Vi sinh Ký sinh trùng
79	NLCL-74	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm Vi sinh Ký sinh trùng
80		XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH - TẾ BÀO
81	NLCL-75	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
82	NLCL-76	Phụ giúp bác sĩ chọc hút, sinh thiết bệnh phẩm
83	NLCL-77	Quản lý mẫu bệnh phẩm
84	NLCL-78	Pha thuốc thử, hóa chất
85	NLCL-79	Chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ, hóa chất, thuốc nhuộm
86	NLCL-80	Làm các tiêu bản xét nghiệm Giải phẫu bệnh và tế bào của dịch chọc hút
87	NLCL-81	Làm các tiêu bản xét nghiệm Giải phẫu bệnh và tế bào của bệnh phẩm sinh thiết
88	NLCL-82	Nhận định lam tế bào mô bệnh học
89	NLCL-83	Quản lý hóa chất, thuốc nhuộm, dụng cụ tiêu hao
90	NLCL-84	Quản lý thiết bị chính phòng Giải phẫu bệnh
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với năng lực khi được yêu cầu
2	NLNC-02	Sử dụng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp
3	NLNC-03	Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế

6. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung		2	30	14	14	2
1	MHC101	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	30	14	14	2
II	Các môn học chuyên môn ngành nghề		49	1305	350	920	35
II.1	Các môn học cơ sở		12	195	154	29	12
1	MHX201	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	28	0	2
2	MHX202	Mô học	2	30	28	0	2
3	MHX203	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	30	28	0	2
4	MHX204	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
5	MHX205	Bệnh học	2	30	28	0	2
6	MHX206	Hóa phân tích	2	45	14	29	2
II.2	Các môn học chuyên môn		37	1110	196	891	23
1	MHX207	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	2	45	14	29	2
2	MHX208	Giải phẫu bệnh	2	45	14	29	2
3	MHX209	Độc chất học lâm sàng	2	45	14	29	2
4	MHX210	Huyết học – Truyền máu 1	2	30	28	0	2
5	MHX211	Huyết học – Truyền máu 2	2	45	14	29	2
6	MHX222	Hóa sinh 1	2	30	28	0	2
7	MHX213	Hóa sinh 2	2	45	14	29	2
8	MHX214	Vì sinh 1	2	45	14	29	2
9	MHX215	Vì sinh 2	2	45	14	29	2
10	MHX216	Ký sinh trùng 1	2	45	14	29	2
11	MHX217	Ký sinh trùng 2	2	45	14	29	2
12	MHX218	Quản lý phòng xét nghiệm	1	15	14	0	1

13	MHX219	Thực tập Huyết học – Truyền máu	2	90	0	90	
14	MHX220	Thực tập Hoá sinh	2	90	0	90	
15	MHX221	Thực tập Vi sinh - ký sinh trùng	1	45	0	45	
16	MHX222	Thực tập tốt nghiệp	2	90	0	90	
		Tự chọn	2	90	0	90	
17	MHX223	<i>Thực tập huyết học truyền máu nâng cao</i>	2	90	0	90	
18	MHX224	<i>Thực tập lâm sàng giải phẫu bệnh</i>	2	90	0	90	
		Tự chọn					
19	MHX225	Chuyên đề tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	5	225		225	
TỔNG			51	1335	364	934	37

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động – Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành áp dụng thực hiện. Hiện nay các môn học chung thực hiện theo:

- Thông tư số: 10/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc Quy định chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Hàng năm căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng nghề, nhà trường sẽ xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thế dục, thể thao	Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm
2	Văn hóa, văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Ngoài giờ hàng ngày
3	Hoạt động thư viện	Ngoài giờ, học sinh sinh viên có thể đến thư viện các ngày trong tuần đọc sách và tham khảo tài liệu.
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, học sinh sinh viên tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt.
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Áp dụng theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

Cụ thể như sau

- **Hình thức thi:** Hình thức thi gồm có thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận); vấn đáp, viết tiểu luận; làm bài tập lớn. Được qui định trong chương trình môn học và kế hoạch đào tạo của Trường.

- **Thời gian tổ chức thi:**

+ Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

+ Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đun hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số môn học, và tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

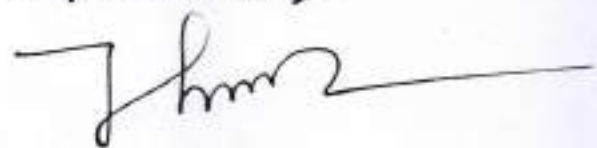
+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

+ Danh hiệu người học trình độ cao đẳng đạt được: Cử nhân thực hành.

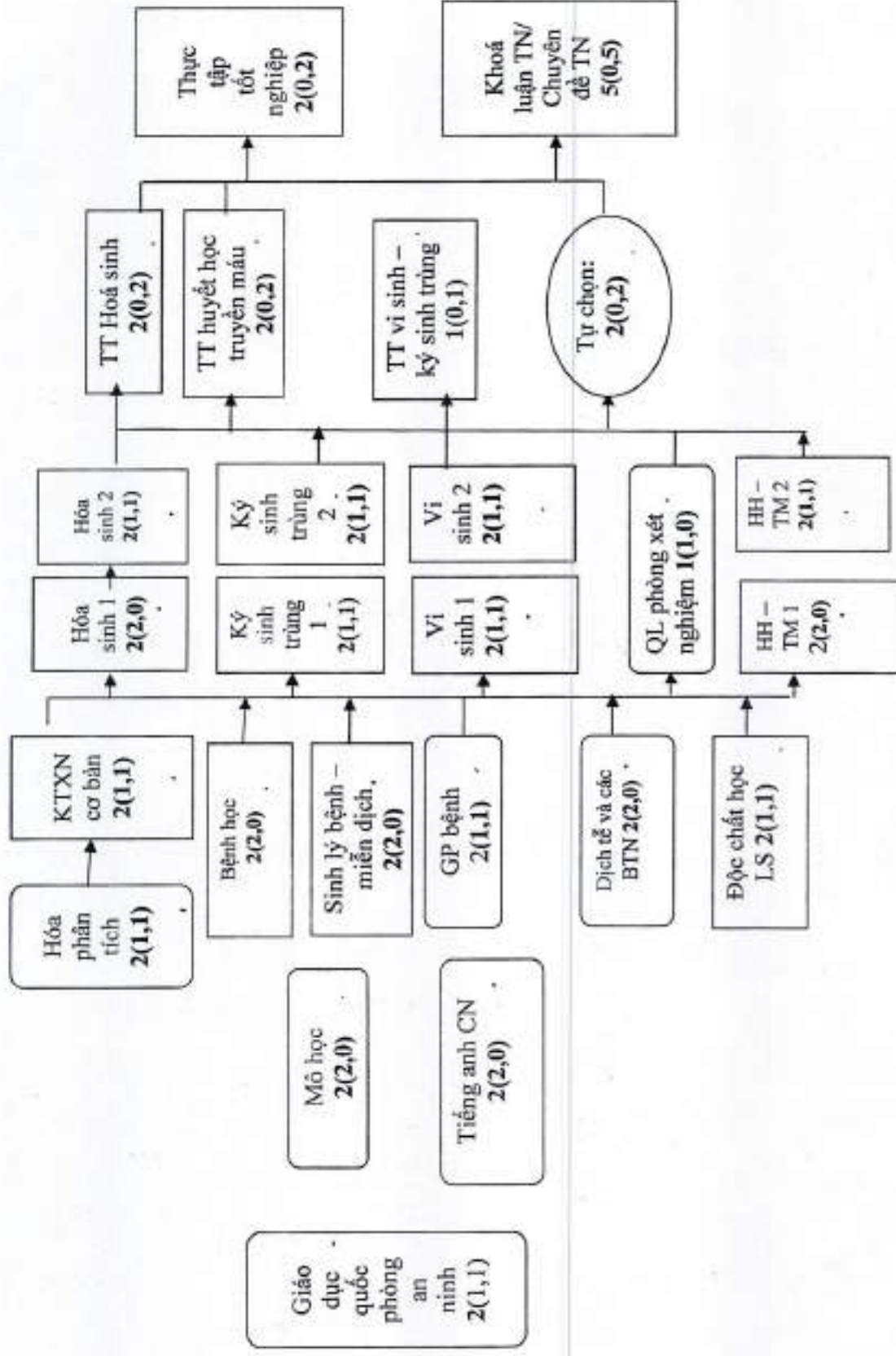
7.5. Các chú ý khác

Người học được phép liên thông lên các bậc học cao hơn nếu đáp ứng đủ các tiêu chí trong quy chế tuyển sinh hiện hành đề ra.

HIỆU TRƯỞNG



- Tên ngành: Xét nghiệm cao đẳng liên thông dọc - 2024
 - Mã ngành: 6720602



HK I: 20TC

HK II: 17TC

HK III: 14TC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 403/A/QĐ-CDYD ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ)

Tên ngành: KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

Mã ngành: 6720602

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy/phương thức tích lũy tín chỉ

Đối tượng tuyển sinh: Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề có nhu cầu học liên thông để có bằng tốt nghiệp cao đẳng thứ hai

Thời gian đào tạo: 2 - 2,5 năm

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

Kỹ thuật xét nghiệm y học trình độ cao đẳng là ngành, nghề sử dụng những phương pháp, máy móc, trang thiết bị công nghệ hiện đại để nhận định các mẫu bệnh phẩm như máu, nước tiểu, dịch,... nhằm phát hiện và cung cấp những bằng chứng giúp bác sĩ có khả năng chẩn đoán chính xác tình trạng sức khỏe của người sử dụng dịch vụ xét nghiệm, đáp ứng yêu cầu bậc 5 trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

Công việc xét nghiệm gồm: tiếp đón, lấy hoặc nhận bệnh phẩm, pha hóa chất, thuốc thử, chuẩn bị các dụng cụ, máy móc, thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm, kiểm duyệt, nhận định, bảo quản và trả kết quả. Công việc của nghề chủ yếu được thực hiện ở phòng xét nghiệm của các cơ sở y tế, trung tâm xét nghiệm, từ trung ương đến địa phương, các trường đào tạo chuyên ngành về sức khỏe, các cơ quan/tổ chức có hoạt động về xét nghiệm, các trung tâm CDC,...

Điều kiện làm việc thường xuyên tiếp xúc với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm là người bệnh, người nhà người bệnh, cán bộ, nhân viên y tế; hóa chất,

sinh phẩm y tế, mẫu bệnh phẩm, thiết bị máy móc có độ chính xác cao nên đòi hỏi người kỹ thuật viên xét nghiệm luôn phải nắm chắc kiến thức nghề, có khả năng giao tiếp tốt, chịu đựng với áp lực công việc, tỳ mỷ, thận trọng, trung thực, chính xác và có ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, pháp luật. Sản phẩm là kết quả các xét nghiệm yêu cầu nhanh chóng, đảm bảo chính xác và an toàn.

Người kỹ thuật viên xét nghiệm y học trình độ cao đẳng có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm và nhận định, phân tích kết quả các xét nghiệm cơ bản thuộc lĩnh vực: Vi sinh ký sinh trùng; hóa sinh, miễn dịch; huyết học truyền máu; giải phẫu bệnh và tế bào. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, khả năng giao tiếp hiệu quả, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; khả năng tự học tập, cập nhật nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo kỹ thuật viên trình độ cao đẳng Xét nghiệm Y học có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành để thực hiện kỹ thuật xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: vi sinh; ký sinh trùng; hóa sinh; huyết học; truyền máu, giải phẫu bệnh; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao và tác phong thận trọng, chính xác; có khả năng tự học vươn lên và tham gia nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2.2. Kiến thức

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho công việc kỹ thuật xét nghiệm y học;
- Giải thích được cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý; kiến thức y học chuyên ngành phục vụ cho công việc;

- Trình bày được sự tác động của môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì, cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe;
- Giải thích được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Phân tích được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường;
- Giải thích được các quy chế vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học và quản lý chất lượng xét nghiệm;
- Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác nghiên cứu khoa học;
- Vận dụng các kiến thức về chính sách, pháp luật và quy định về chuyên môn nghiệp vụ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của cá nhân, đồng nghiệp, người bệnh và nhân dân trong điều kiện chuyên môn cụ thể;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Kỹ năng

- Pha chế thành thạo một số dung dịch đệm, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường, sử dụng được các bộ thuốc thử (kit) phục vụ cho công tác xét nghiệm;
- Làm thành thạo các xét nghiệm cơ bản về huyết học truyền máu, hóa sinh miễn dịch, vi sinh ký sinh trùng, xét nghiệm tế bào phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh;
- Định danh được các vi sinh vật gây bệnh thường gặp; nhận định và phân tích được kết quả xét nghiệm sinh hóa miễn dịch, huyết học truyền máu cơ bản; xác định được tế bào mô bệnh học trong tổn thương dạng viêm và u một số mô của cơ thể;
- Tổ chức được xét nghiệm hàng loạt tại cộng đồng một cách độc lập hoặc phối hợp với đồng nghiệp;

- Sử dụng và bảo quản được các trang thiết bị, hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng trong phòng xét nghiệm;

- Kiểm soát được lây nhiễm, xử lý rác thải theo đúng quy định về an toàn sinh học phòng xét nghiệm;

- Ghi chép, vào sổ, thống kê các hoạt động chuyên môn theo mẫu quy định.

Lưu trữ, bảo quản các tài liệu trong lĩnh vực được giao;

- Tham gia công tác quản lý phòng xét nghiệm, chất lượng phòng xét nghiệm;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn, giám sát các nhân viên trong nhóm, trong tổ hoặc các sinh viên thực tập thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn xác định;

- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân trước nhóm và cấp trên;

- Đánh giá đúng chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;

- Tuân thủ các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật xét nghiệm, quy trình bảo đảm chất lượng xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị;

- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, hành nghề theo quy định của pháp luật;

- Xây dựng môi trường làm việc an toàn hiệu quả;

- Thận trọng, tỉ mỉ, chính xác, khoa học và đúng mực trong khi thực hiện nhiệm vụ.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón và trả kết quả;
- Tiếp nhận, lấy mẫu và xử lý mẫu;
- Xét nghiệm huyết học truyền máu;
- Xét nghiệm hóa sinh, miễn dịch;
- Xét nghiệm vi sinh ký sinh trùng;
- Xét nghiệm giải phẫu bệnh và tế bào.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Số lượng môn học: 31 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 76 tín chỉ (1935 giờ)
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 76 tín chỉ (1935 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 605 giờ; Thực hành thí nghiệm: 1274 giờ; Kiểm tra:

56 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giao tiếp được bằng tiếng Anh ở cấp độ cơ bản
2	NLCB-02	Đọc, hiểu từ tiếng Anh cơ bản thuộc chuyên ngành xét nghiệm
3	NLCB-03	Áp dụng kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin và truyền thông trong công việc
4	NLCB-04	Giao tiếp hiệu quả với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm, đồng nghiệp, cấp trên
5	NLCB-05	Làm việc hiệu quả trong nhóm
6	NLCB-06	Học tập nâng cao trình độ
7	NLCB-07	Chịu áp lực trong công việc và môi trường làm việc
8	NLCB-08	Hoàn thành các nhiệm vụ hành chính hàng ngày

9	NLCB-09	Rèn luyện thể chất
10	NLCB-10	Tư duy logic, phân tích, tổng hợp, thống kê
II	Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)	
1	NLCL-01	Vận dụng kiến thức hóa học, sinh học
2	NLCL-02	Nhận biết được giải phẫu, sinh lý bình thường và bất thường của cơ thể người
3	NLCL-03	Ghi chép, quản lý tài liệu, hồ sơ sổ sách
4	NLCL-04	Nhập dữ liệu, thống kê, báo cáo, quản lý thông tin
5	NLCL-05	Nhận biết cơ bản về hệ thống y tế và chương trình y tế quốc gia
6	NLCL-06	Nhận biết cơ bản về sức khỏe, nâng cao sức khỏe và dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm
7	NLCL-07	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
8	NLCL-08	Nhận biết được về dịch tễ, các bệnh truyền nhiễm và mô hình bệnh tật cơ bản
9	NLCL-09	Quản lý, sử dụng các thiết bị văn phòng
10	NLCL-10	Quản lý, bảo quản, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ cơ bản trong phòng xét nghiệm
11	NLCL-11	Quản lý, bảo quản vật tư, hóa chất, sinh phẩm cơ bản trong phòng xét nghiệm: pipet, dụng cụ thủy tinh,...
12	NLCL-12	Pha chế các hóa chất chung và sử dụng các trang thiết, dụng cụ cơ bản của phòng xét nghiệm
13	NLCL-13	Đảm bảo cơ sở vật chất và an toàn sinh học trong phòng xét nghiệm
14	NLCL-14	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm và quản lý chất lượng xét nghiệm
15		TIẾP ĐÓN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
16	NLCL-15	Tiếp đón, nhận phiếu, lấy thông tin người sử dụng dịch vụ xét nghiệm
17	NLCL-16	Hướng dẫn người sử dụng dịch vụ xét nghiệm về các thủ tục hành chính và chuẩn bị lấy mẫu
18	NLCL-17	Nhận kết quả từ bộ phận xét nghiệm
19	NLCL-18	Trả kết quả cho người sử dụng dịch vụ xét nghiệm
20	NLCL-19	Tư vấn, giải đáp thắc mắc
21	NLCL-20	Lưu trữ, quản lý kết quả

22	NLCL-21	Ghi chép sổ thống kê, tổng hợp và báo cáo
23	NLCL-22	Điều tra sự hài lòng của khách
24	NLCL-23	Duy trì, phát triển mối quan hệ với người sử dụng dịch vụ xét nghiệm
25		TIẾP NHẬN, LẤY MẪU VÀ XỬ LÝ MẪU
26	NLCL-24	Nhận mẫu và phiếu yêu cầu xét nghiệm
27	NLCL-25	Xác định loại xét nghiệm và lấy mẫu
28	NLCL-26	Ghi chép sổ ghi mẫu, sổ từ chối mẫu
29	NLCL-27	Phân loại và dán mã barcode
30	NLCL-28	Gửi mẫu và phiếu đến từng bộ phận xét nghiệm
31	NLCL-29	Đóng gói mẫu bệnh phẩm
32	NLCL-30	Chuyển gửi mẫu
33	NLCL-31	Xử lý mẫu
34	NLCL-32	Thực hiện các biện pháp chống nhiễm khuẩn bệnh viện
35	NLCL-33	Ghi chép sổ thống kê, quản lý, báo cáo dữ liệu
36		XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU
37	NLCL-34	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
38	NLCL-35	Quản lý mẫu bệnh phẩm
39	NLCL-36	Pha, hóa chất, thuốc thử, sinh phẩm tế bào, đông máu, miễn dịch truyền máu
40	NLCL-37	Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, hóa chất, sinh phẩm, thuốc nhuộm
41	NLCL-38	Làm tiêu bản máu dãn
42	NLCL-39	Xét nghiệm huyết học tế bào
43	NLCL-40	Xét nghiệm tế bào các dịch cơ thể
44	NLCL-41	Xét nghiệm về tinh dịch đồ
45	NLCL-42	Xét nghiệm huyết học đông máu
46	NLCL-43	Vận động, tư vấn người cho máu

47	NLCL-44	Xét nghiệm sàng lọc trước khi lấy máu từ các đối tượng người cho máu
48	NLCL-45	Lấy máu từ người hiến máu
49	NLCL-46	Sàng lọc, điều chế, bảo quản các đơn vị máu
50	NLCL-47	Thực hiện phát máu
51	NLCL-48	Quản lý thuốc thử, hóa chất, sinh phẩm, dụng cụ
52	NLCL-49	Quản lý thiết bị phòng huyết học truyền máu
53	NLCL-50	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm phòng xét nghiệm huyết học truyền máu
54		XÉT NGHIỆM HÓA SINH, MIỄN DỊCH
55	NLCL-51	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
56	NLCL-52	Quản lý mẫu bệnh phẩm
57	NLCL-53	Pha hóa chất, thuốc thử sinh phẩm cho xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
58	NLCL-54	Chuẩn bị các phương tiện, thiết bị dụng cụ, hóa chất, sinh phẩm
59	NLCL-55	Xét nghiệm Hóa sinh thăm dò chuyển hóa các chất, chức năng các cơ quan
60	NLCL-56	Xét nghiệm hóa sinh nước tiểu và các dịch sinh vật
61	NLCL-57	Xét nghiệm hóa sinh miễn dịch: các chỉ điểm ung thư, các hormon
62	NLCL-58	Quản lý hóa chất, thuốc thử sinh phẩm cho xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
63	NLCL-59	Quản lý thiết bị phòng xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
64	NLCL-60	Đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm Hóa sinh miễn dịch
65		XÉT NGHIỆM VI SINH KÝ SINH TRÙNG
66	NLCL-61	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
67	NLCL-62	Quản lý mẫu bệnh phẩm
68	NLCL-63	Pha hóa chất, thuốc nhuộm, môi trường
69	NLCL-64	Chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ, thuốc nhuộm, môi trường
70	NLCL-65	Làm tiêu bản vi sinh ký sinh trùng
71	NLCL-66	Nhuộm, nuôi cấy, phân lập và định danh vi sinh vật gây bệnh

72	NLCL-67	Thực hiện kỹ thuật kháng sinh đồ
73	NLCL-68	Thực hiện kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh
74	NLCL-69	Nhuộm soi trực tiếp ký sinh trùng
75	NLCL-70	Xác định vi sinh vật gây bệnh từ các bệnh phẩm
76	NLCL-71	Xác định nấm, đơn bào
77	NLCL-72	Quản lý thuốc nhuộm, môi trường, sinh phẩm dụng cụ
78	NLCL-73	Quản lý, sử dụng thiết bị phòng xét nghiệm Vi sinh Ký sinh trùng
79	NLCL-74	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm Vi sinh Ký sinh trùng
80		XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH - TẾ BÀO
81	NLCL-75	Tiếp nhận phiếu và mẫu xét nghiệm
82	NLCL-76	Phụ giúp bác sĩ chọc hút, sinh thiết bệnh phẩm
83	NLCL-77	Quản lý mẫu bệnh phẩm
84	NLCL-78	Pha thuốc thử, hóa chất
85	NLCL-79	Chuẩn bị các phương tiện, thiết bị, dụng cụ, hóa chất, thuốc nhuộm
86	NLCL-80	Làm các tiêu bản xét nghiệm Giải phẫu bệnh và tế bào của dịch chọc hút
87	NLCL-81	Làm các tiêu bản xét nghiệm Giải phẫu bệnh và tế bào của bệnh phẩm sinh thiết
88	NLCL-82	Nhận định lam tế bào mô bệnh học
89	NLCL-83	Quản lý hóa chất, thuốc nhuộm, dụng cụ tiêu hao
90	NLCL-84	Quản lý thiết bị chính phòng Giải phẫu bệnh
III	Năng lực nâng cao	
1	NLNC-01	Tham gia các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với năng lực khi được yêu cầu
2	NLNC-02	Sử dụng tiếng Anh hoặc ngoại ngữ khác trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp
3	NLNC-03	Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế

6. Nội dung chương trình

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Kiểm tra
	Các môn học chuyên môn ngành nghề		76	1935	605	1274	56
I	Các môn học cơ sở		26	450	307	117	26
1	MHX201	Tiếng Anh chuyên ngành	2	30	28	0	2
2	MHX202	Giải phẫu - sinh lý	3	60	29	28	3
3	MHX203	Mô học	2	30	28	0	2
4	MHX204	Sinh lý bệnh - miễn dịch	2	30	28	0	2
5	MHX205	Dược lý	3	45	38	4	3
6	MHX206	Điều dưỡng cơ sở và cấp cứu ban đầu	2	45	14	29	2
7	MHX207	Sức khỏe môi trường - dinh dưỡng	2	30	28	0	2
9	MHX209	Dịch tễ và các bệnh truyền nhiễm	2	30	28	0	2
10	MHX210	Y đức – tổ chức y tế	2	30	28	0	2
11	MHX211	Bệnh học	3	60	29	28	3
12	MHX212	Hóa phân tích	3	60	29	28	3
II	Các môn học chuyên môn		50	1485	298	1157	30
1	MHX213	Kỹ thuật xét nghiệm cơ bản	3	60	29	28	3
2	MHX214	Giải phẫu bệnh	3	60	29	28	3
3	MHX215	Độc chất học lâm sàng	2	45	14	29	2
4	MHX216	Huyết học – Truyền máu 1	4	60	56	0	4
5	MHX217	Huyết học – Truyền máu 2	2	45	14	29	2
6	MHX218	Hóa sinh 1	3	45	42	0	3
7	MHX219	Hóa sinh 2	2	45	14	29	2
8	MHX220	Vĩ sinh 1	3	60	29	28	3

9	MHX221	Vi sinh 2	2	45	14	29	2
10	MHX222	Ký sinh trùng 1	3	60	29	28	3
11	MHX223	Ký sinh trùng 2	2	45	14	29	2
12	MHX224	Quản lý phòng xét nghiệm	1	15	14	0	1
13	MHX225	Thực tập Huyết học – Truyền máu	3	135	0	135	
14	MHX226	Thực tập Hoá sinh	3	135	0	135	
15	MHX227	Thực tập Vi sinh – ký sinh trùng	3	135	0	135	
16	MHX228	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	
		Tự chọn	2	90	0	90	
17	MHX229	<i>Thực tập huyết học truyền máu nâng cao</i>	2	90	0	90	
18	MHX230	<i>Thực tập lâm sàng giải phẫu bệnh</i>	2	90	0	90	
		Tự chọn					
19	MHX231	Chuyên đề tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	5	225		225	
TỔNG			76	1935	605	1274	56

7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

7.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ lao động – Thương binh và xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành áp dụng thực hiện.

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Hàng năm căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng nghề, nhà trường sẽ xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

Cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm

2	Văn hóa, văn nghệ	- Vào các ngày lễ, kỷ niệm trong năm - Ngoài giờ hàng ngày
3	Hoạt động thư viện	Ngoài giờ, học sinh sinh viên có thể đến thư viện các ngày trong tuần đọc sách và tham khảo tài liệu.
4	Vui chơi giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên, học sinh sinh viên tổ chức các hoạt động giao lưu, các buổi sinh hoạt.
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi năm 1 lần

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Áp dụng theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

Cụ thể như sau

- **Hình thức thi:** Hình thức thi gồm có thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận); vấn đáp, viết tiểu luận; làm bài tập lớn. Được qui định trong chương trình môn học và kế hoạch đào tạo của Trường.

- **Thời gian tổ chức thi:**

+ Thi kết thúc môn học, mô-đun được thực hiện một hoặc nhiều lần sau khi học xong môn học, mô-đun hoặc cuối mỗi học kỳ;

+ Lịch thi kết thúc môn học, mô-đun phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần. Từng môn học, mô-đun được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học, mô-đun trong cùng một buổi thi của một người học;

7.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Áp dụng Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ lao động – Thương binh và xã hội về việc Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy môn-đơn hoặc tín chỉ.

Quyết định số 365/QĐ-CDYD ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y Dược về việc ban hành Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường Cao đẳng Y Dược Phú Thọ.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số môn học, và tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo cao đẳng ngành Kỹ thuật Xét nghiệm y học.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

+ Danh hiệu người học trình độ cao đẳng đạt được: Cử nhân thực hành.

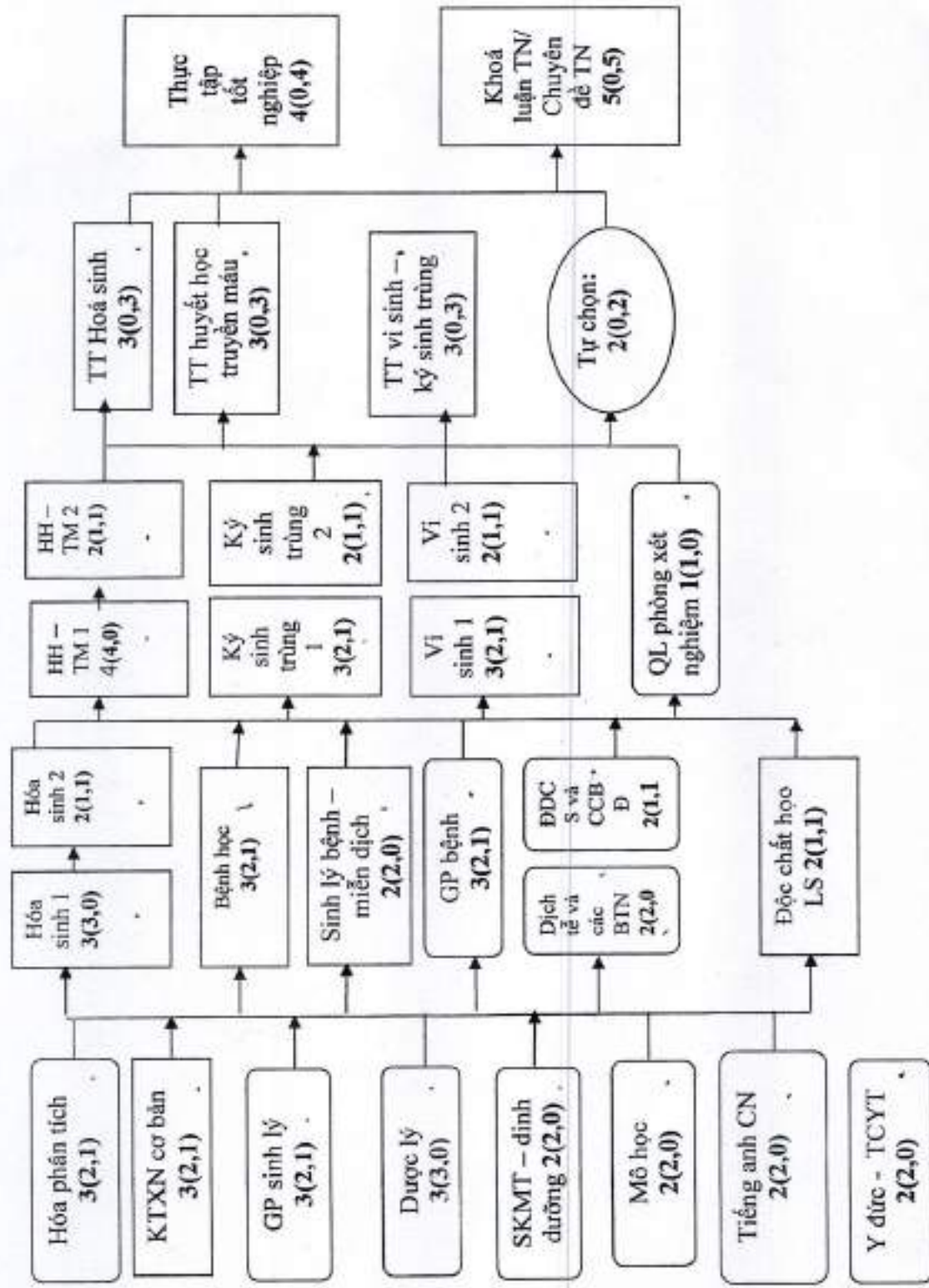
7.5. Các chú ý khác

Người học được phép liên thông lên các bậc học cao hơn nếu đáp ứng đủ các tiêu chí trong quy chế tuyển sinh hiện hành đề ra.



Ths Hà Thanh Hoà

- Tên ngành: Xét nghiệm cao đẳng liên thông ngang - 2024
 - Mã ngành: 6720602



HK II: 20TC

HK II: 19TC

HK III: 17TC

HK IV: 11TC

HK V: 9TC

